

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TUYÊN GIÁO

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2016

Số 11 - HD/BTGTW

ĐẢNG BỘ TRƯỞNG CBKT LÝ TỰ TRỌNG	
CV ĐẾN	Số: 189
	Ngày: 07/10/2016
	Chuyển:
	Lưu hồ sơ:

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị
dành cho đảng viên mới**

Ký: *Độc hành đại đạo*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Chương trình nhằm giúp các đồng chí đảng viên mới nắm được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam; nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng và công tác xây dựng đảng ở cơ sở; vấn đề xây dựng đảng về đạo đức và nhiệm vụ của người đảng viên.

Trên cơ sở đó, từng đảng viên xây dựng kế hoạch phấn đấu, rèn luyện để xứng đáng danh hiệu đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. ĐỐI TƯỢNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Đối tượng học tập chương trình là đảng viên mới được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Quy định số 54-QĐ/TW ngày 12 tháng 5 năm 1999 của Bộ Chính trị khoá VIII về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng, đã chỉ rõ: "Đảng viên trong thời gian dự bị phải học xong chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới".

III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình gồm 10 bài trong cuốn "Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới" do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn năm 2016, đã được cập nhật theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngoài 10 bài quy định thống nhất chung, tùy theo điều kiện, đặc điểm của địa phương và cơ sở có thể báo cáo thêm các chuyên đề:

- Tình hình và nhiệm vụ của địa phương, cơ sở.
- Tình hình thời sự, những chủ trương, chính sách mới.
- Các báo cáo điển hình về những đảng viên mới phấn đấu tốt...

Trong quá trình học tập, có thể tổ chức đi thăm và nghe báo cáo của một số tổ chức cơ sở đảng điển hình có thành tích trong việc bồi dưỡng kết nạp, giáo dục, rèn luyện đảng viên.

VI. HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC LỚP HỌC

- Trước khi mở lớp cần nắm chắc đặc điểm đối tượng để tùy theo đối tượng học, giảng viên có thể lựa chọn một số nội dung trong tài liệu để đi sâu phân tích, làm rõ, kết hợp giảng bài với tổ chức thảo luận, trao đổi kinh nghiệm giữa các học viên cho phù hợp và thiết thực. Không nhất thiết phải tổ chức giảng dạy tất cả những nội dung trong bài mà có thể để học viên tự nghiên cứu, tham khảo.

- Tổ chức lớp học: Tổ chức học tập theo lớp; tập trung lên lớp nghe giảng, thảo luận, giải đáp thắc mắc; viết bản thu hoạch, đánh giá kết quả qua bản thu hoạch. Trong quá trình giảng bài, kết hợp giảng giải với trao đổi, đối thoại giữa giảng viên với học viên, giữa học viên với học viên. Tổ chức tham quan, nghe báo cáo kinh nghiệm thực tế cũng được coi là nội dung học tập chính thức, có liên hệ, thu hoạch.

V. THỜI GIAN

Thời gian học tập: 7 đến 8 ngày, trong đó:

- Lên lớp 10 bài (mỗi bài 1 buổi): 5 ngày
- Tham quan, báo cáo bổ sung: 0,5 - 1 ngày
- Trao đổi, thảo luận: 0,5 - 1 ngày
- Hệ thống, giải đáp thắc mắc: 0,5 ngày
- Viết thu hoạch, tổng kết : 0,5 ngày

VI. TÀI LIỆU

- *Tài liệu học tập chính thức*: 10 bài chính trong cuốn “*Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới*”, xuất bản năm 2016.

- *Tài liệu tham khảo cần đọc*:

+ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (được thông qua tại Đại hội XI và được Đại hội XII tiếp tục khẳng định).

+ Văn kiện Đại hội XII của Đảng.

+ Văn kiện các hội nghị Trung ương (X, XI, XII)

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức; Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 25/7/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW và Chỉ thị số 27-CT/TTg, ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới được thực hiện thống nhất trong cả nước theo Hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương.

Ban Tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có hướng dẫn thực hiện chương trình sát với tình hình địa phương, cơ sở; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên của các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

Cấp ủy trực tiếp chỉ đạo việc mở lớp. Ban Tuyên giáo quận, huyện,... chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức, Văn phòng cấp ủy và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức mở lớp. Sau mỗi lớp học, Trung tâm cùng với Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức và Văn phòng cấp ủy đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm, báo cáo cấp ủy quận, huyện và Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy. Ban Tuyên giáo quận, huyện phối hợp với Ban Tổ chức cùng cấp... cần tiếp tục theo dõi, nắm bắt chất lượng của đảng viên mới sau khi đã học xong chương trình này.

Việc cấp giấy chứng nhận cho mỗi học viên sau khóa học được thực hiện theo quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Ban (để b/c);
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW;
- Ban Tuyên giáo tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW;
- Trung tâm bồi dưỡng chính trị Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương và Đảng ủy khối doanh nghiệp Trung ương;
- Các Vụ, đơn vị trong Ban;
- Vụ LLCT (08 bản);
- Lưu HC.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Phạm Văn Linh

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG

Số 248-BS/VPTU

Nơi nhận :

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy,
- Các ban Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy,
- Các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở trực thuộc Thành ủy,
- VPTU: Lãnh đạo, Phòng NCTH,
- Lưu VPTU.

Sao lục

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2016

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Anh Tuấn

NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHÚ Ý

**khi giảng các bài trong chương trình
bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới¹**
(Kèm theo Hướng dẫn số 11 - HD/BTGTW,
ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Ban Tuyên giáo Trung ương)

Bài 1

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG CỦA ĐẢNG VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Phần I. CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - HỌC THUYẾT KHOA HỌC VÀ CÁCH MẠNG CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN

1. Chủ nghĩa Mác - Lênin là thành tựu trí tuệ của loài người

Trình bày khái quát 02 vấn đề sau:

a. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin - đòi hỏi khách quan của phong trào cách mạng thế giới

b. V.I.Lênin đã bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo toàn diện lý luận của Mác - Ăngghen trong điều kiện lịch sử mới

2. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận thống nhất được hình thành từ ba bộ phận: triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học

Nêu khái quát những nội dung chủ yếu của ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lê nin, giúp người học có một cái nhìn tổng quan về chủ nghĩa Mác - Lê nin.

3. Những nội dung chủ yếu thể hiện bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin

Cần phân tích, làm rõ được bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin, cụ thể trên 4 nội dung chủ yếu sau:

a. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học, thể hiện trong toàn bộ các nguyên lý cấu thành học thuyết, trước hết là các nguyên lý cơ bản

b. Chủ nghĩa Mác - Lênin là sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan

¹ Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành. Số 6/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội; Điện thoại: 0.4.3942-2008; Fax: 0.4.3941-0661; Email: phathanh@nxbctqg.vn

khoa học và phương pháp luận mácxít

c. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người với con đường, lực lượng, phương thức đạt mục tiêu đó

d. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, không ngừng được đổi mới, được phát triển trong dòng trí tuệ của nhân loại

Phần II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - HỆ THỐNG CÁC QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN VÀ SÂU SẮC VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Phân tích làm rõ khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh nêu trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*.

2. Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

Trình bày, làm rõ 4 nguồn gốc, từ đó đi tới kết luận: trong ba nguồn gốc trên, chủ nghĩa yêu nước là cơ sở ban đầu; chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc chủ yếu; tinh hoa văn hóa nhân loại làm giàu và sâu sắc thêm chủ nghĩa yêu nước và tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở Hồ Chí Minh. Ba nguồn gốc nói trên quyện vào nhau, kết hợp hài hoà trong con người Hồ Chí Minh, kết hợp với những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân cao quý của Hồ Chí Minh đã quyết định việc Hồ Chí Minh tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hoá, phát triển những tinh hoa của dân tộc và thời đại thành tư tưởng đặc sắc của mình.

3. Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

Trình bày khái quát những nội dung chủ yếu, cốt lõi:

- Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người;
- Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;
- Tư tưởng về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc;
- Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân;
- Tư tưởng về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân;

- Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân;
- Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư;
- Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau;
- Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Phần III. VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Các yêu cầu cần nắm vững trong việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Phân tích cho học viên hiểu rõ 04 yêu cầu cần nắm vững trong việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Kiên quyết đấu tranh chống những luận điệu và thủ đoạn đả kích, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong phần này cần trình bày, làm rõ:

- Nắm chắc nội dung, bản chất từng luận điểm gắn với hoàn cảnh lịch sử và yêu cầu cụ thể cần giải quyết. Đồng thời, phải tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới; đưa những tư tưởng, quan điểm đó vào thực tế cuộc sống.

- Phải kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng cơ hội, xét lại và bảo thủ, giáo điều.

- Đấu tranh với các hành động xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở phân tích những quan điểm trên, cần nhấn mạnh: trong cuộc đấu tranh tư tưởng này, hơn ai hết, đảng viên phải là những người đi đầu, kiên quyết bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng. Đảng viên phải có lập trường tư tưởng vững vàng, không mơ hồ, dao động; phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiên định những vấn đề về quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin?
2. Phân tích, làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam?
3. Cần làm gì để vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh?

Bài 2

ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Phần I. ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - MỘT SỰ LỰA CHỌN HỢP QUY LUẬT, HỢP LÒNG DÂN (Đây là một trong những phần trọng tâm của bài)

Giảng viên cần chú ý phân tích làm rõ: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là bài học lớn xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam, là con đường duy nhất đúng mà Đảng ta và dân tộc Việt Nam đã lựa chọn.

1. Sự lựa chọn khách quan của lịch sử

Cần làm rõ các ý sau:

- Từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, nhân dân ta đã liên tiếp đứng lên đấu tranh chống lại kẻ xâm lược dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu, các nhà yêu nước theo nhiều khuynh hướng khác nhau, nhưng đều thất bại do không có đường lối cách mạng đúng đắn.

- Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường duy nhất đúng đắn để cứu nước, giải phóng dân tộc, đó là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Phân tích 02 căn cứ chủ yếu của sự lựa chọn đó.

2. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn của cách mạng Việt Nam

Trong phần này cần làm rõ: Hơn 85 năm qua, Đảng và nhân dân ta luôn kiên trì và thực hiện mục tiêu này. Nhờ vậy, cách mạng nước ta đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Bài học lớn, được đặt ở vị trí hàng đầu qua các nhiệm kỳ Đại hội của Đảng, là bài học phải "*kiên định mục*

tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

Phần II. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC VỀ ĐẶC ĐIỂM, ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MÀ NHÂN DÂN TA XÂY DỰNG

Trình bày làm rõ những đặc điểm của thời kỳ quá độ và đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Cụ thể:

1. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Trong phần này, cần trình bày làm rõ những đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được nêu trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) và được Đại hội XI, XII của Đảng bổ sung phát triển.

2. Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Đây là phần trọng tâm trong phần II. Vì vậy, giảng viên cần dành thời gian thích hợp để làm rõ những điểm mới của Đại hội XI :

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh (so với Đại hội X, đưa cụm từ “dân chủ” lên trước “công bằng” cho phù hợp về lý luận và thực tiễn mối quan hệ giữa dân chủ và công bằng).

- Do nhân dân làm chủ; (phạm vi rộng hơn so với do nhân dân lao động làm chủ).

- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. (thay đổi so với Đại hội X trong cách diễn đạt về quan hệ sản xuất nhằm khẳng định quả quyết hơn về quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa khi kết thúc thời kỳ quá độ và để khắc phục tư tưởng chủ quan, nóng vội muốn nhanh chóng có quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa khi chưa có đủ điều kiện...).

- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. (so với Đại hội X, bỏ cụm từ “con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công” cho phù hợp với thực tế khi chưa kết thúc thời kỳ quá độ).

- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. (so với Đại hội X, bổ sung các cụm từ “tôn

trọng” và “phát triển” vì đây là những vấn đề rất quan trọng trong quan hệ dân tộc hiện nay).

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới (so với Đại hội X có thay đổi cho phù hợp với xu thế trong thực tiễn quan hệ đối ngoại của nước ta với các nước trên thế giới, không bó hẹp trong quan hệ đối ngoại chỉ với nhân dân các nước)...

Phần III. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC VỀ PHƯƠNG HƯỚNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Phân tích rõ, phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là không qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản. Đó là đặc điểm cơ bản nhất của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tức là bỏ qua việc xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Nhận thức của Đảng về các quá trình này ngày càng hoàn chỉnh hơn. Giảng viên cần làm rõ sự nhận thức của Đảng về quá trình này.

1. Phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội trong Cương lĩnh năm 1991 của Đảng

2. Sự bổ sung, phát triển về phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta của Đại hội X

3. Sự bổ sung, phát triển về phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)

Trong mục này cần chú ý làm rõ: So với Cương lĩnh năm 1991 và Đại hội X, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã hoàn chỉnh và sắp xếp lại thứ tự các phương hướng cơ bản:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Những căn cứ lý luận và thực tiễn nào để chúng ta khẳng định: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một sự lựa chọn hợp quy luật, hợp lòng dân?

2. Phân tích sự phát triển nhận thức của Đảng ta về đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng?

3. Phân tích sự phát triển nhận thức của Đảng ta về phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội?

Bài 3

PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC; DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA; XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Phần I. PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC

1. Quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh toàn dân tộc

Trình bày các quan điểm phát huy sức mạnh toàn dân tộc của Đảng ta qua các kỳ đại hội của Đảng, trong đó chú trọng nhấn mạnh tới 04 nội dung:

Một là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị.

Ba là, vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc bắt đầu từ sự đặt đúng vị trí của yếu tố lợi ích, theo quan điểm được xác định từ Nghị quyết Trung ương 8B khóa VI là: “Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ công dân”.

Bốn là, thực hiện dân chủ và phát huy chủ nghĩa yêu nước là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Phương hướng, nội dung, giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn

kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay

Cần trình bày phương hướng, nội dung, các giải pháp để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ đó đi đến kết luận: Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phần II. PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Dân chủ là bản chất của chủ nghĩa xã hội

Trong mục này cần trình bày:

- Khái niệm dân chủ.
- Dân chủ là bản chất của chủ nghĩa xã hội.
- Các hình thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

2. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là nguồn động lực chủ yếu của công cuộc đổi mới

Trong mục này, cần trình bày các nội dung sau:

- Tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của nhân dân, gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ công dân.
- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là tạo môi trường và điều kiện để nhân dân tham gia đóng góp ngay trong quá trình hình thành những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân.
- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là có cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, tạo môi trường chính trị, xã hội ổn định cho phát triển đất nước.
- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa có quan hệ chặt chẽ với phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Phát triển hài hòa các hình thức và phương thức thực hiện dân chủ.

3. Nội dung phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay

Cần làm rõ các nội dung sau:

- Bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- Thể chế hoá và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.
- Để thực hiện dân chủ trong xã hội, trước hết phải bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội.
- Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội.

Phần III. XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong phần này cần làm rõ mấy ý sau:

1. Quan điểm của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

2. Bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

3. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân trong giai đoạn hiện nay

Đây là phần trọng tâm của bài, cần phải làm rõ 02 ý sau:

Một là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Hai là, hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Trình bày và phân tích một số nội dung chính của quan điểm phát huy sức mạnh toàn dân tộc và nội dung, giải pháp phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay?

2. Trình bày nội dung phát huy dân chủ trong giai đoạn hiện nay?

3. Trình bày những quan điểm của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền?

4. Làm rõ bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

5. Trình bày các nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay?

Bài 4

ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Phần I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM 2011 – 2020

Trong phần này, cần làm rõ các nội dung sau:

1. Quan điểm phát triển

Làm rõ 05 quan điểm phát triển của Chiến lược như sau:

Một là, phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược.

Hai là, đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ba là, mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

Bốn là, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao, đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2. Các đột phá chiến lược

Làm rõ ba khâu đột phá chiến lược như sau:

Một là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

Hai là, phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới toàn diện nền giáo dục quốc dân.

Ba là, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

3. Định hướng phát triển

Phân tích làm rõ định hướng phát triển trong Chiến lược là “*Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế*”.

Phần II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Đây là phần trọng tâm của bài. Giảng viên cần phân tích những nội dung cơ bản của đường lối phát triển kinh tế - xã hội:

1. Quan điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020

Trình bày và làm rõ được 04 quan điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020.

2. Mục tiêu và các chỉ tiêu

Trình bày mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu trên các lĩnh vực: kinh tế; xã hội; môi trường.

3. Phương hướng, nhiệm vụ

Đây là phần quan trọng cần tập trung phân tích, làm rõ các nội dung sau:

- a. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế
- b. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại
- c. Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích quan điểm phát triển nhanh và bền vững nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 ?
2. Phân tích phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020?
3. Đặc trưng nổi bật của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là gì?

Bài 5

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; XÂY DỰNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM; BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

I. ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Trong bài này, giảng viên cần làm rõ các nội dung sau:

- 1. Vai trò của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển đất nước**
- 2. Tư tưởng chỉ đạo phát triển giáo dục và đào tạo**

Phân tích, làm rõ 7 quan điểm chỉ đạo được nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương tám khóa XI:

Thứ nhất, Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Thứ hai, Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Thứ ba, Chuyển từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

Thứ tư, gắn giáo dục và đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, Tiếp tục thực hiện và đổi mới phương thức liên thông.

Thứ sáu, Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng XHCN.

Thứ bảy, Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong những năm tới

a. Mục tiêu

- Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo;
- Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt;
- Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước
- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.
- Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo
- Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.
- Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục và đào tạo,
- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý
- Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ
- Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

II. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển đất nước

2. Quan điểm phát triển khoa học và công nghệ

Trong phần này, giảng viên cần nêu được 5 quan điểm cơ bản trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI "Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

Thứ nhất, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư

trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ...

Thứ ba, đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

Thứ tư, ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ.

Thứ năm, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực

3. Mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ trong những năm tới

Trong phần này, giảng viên cần làm rõ được nội dung:

a. Mục tiêu

Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ *thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển* lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa nước ta sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

b. Nhiệm vụ, giải pháp

- Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ.

- Triển khai các định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu.

- Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia.

-. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

- Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

III. XÂY DỰNG VĂN HÓA CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

Trong phần này, giảng viên cần làm rõ được nội dung:

1. Vị trí, vai trò của văn hóa và con người đối với sự phát triển đất

nước

Văn kiện Đại hội XII của Đảng: "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. *Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh, quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"*¹.

2. Mục tiêu, quan điểm về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

Trong phần này, giảng viên cần nêu mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể trong Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI "Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước". Đặc biệt nhấn mạnh quan điểm về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

3. Nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

Trong phần này, giảng viên cần đi sâu phân tích các nội dung:

a. Nhiệm vụ

Một là, Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Hai là, Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh

Ba là, Xây dựng văn hoá trong chính trị và kinh tế

Bốn là, Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Năm là, Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Sáu là, Chủ động hội nhập quốc tế về văn hoá, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại

b. Giải pháp

Một là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa

Hai là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hoá

Bốn là, tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa

IV. VỀ CHỦ ĐỘNG ĐỐI PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, TĂNG

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, Hà Nội, 2016, tr.123.

CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong phần này, giảng viên cần đi sâu phân tích các nội dung:

1. Tầm quan trọng của vấn đề đối phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đối với sự nghiệp phát triển bền vững đất nước

2. Quan điểm, mục tiêu

3. Giải pháp chủ yếu

Một là, tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục,

Hai là, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ

Ba là, tăng cường quản lý nhà nước

Bốn là, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hoá nguồn lực

Năm là, coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1- Vai trò, tầm quan trọng của giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đối với sự phát triển bền vững của đất nước và của mỗi địa phương hiện nay?

2- Các giải pháp cơ bản để đảm bảo phát triển giáo dục - đào tạo; khoa học - công nghệ; xây dựng và phát triển văn hóa, con người; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường ở địa phương hiện nay?

Bài 6

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC, GIỮ VỮNG MÔI TRƯỜNG HÒA BÌNH, ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Phần I. TÌNH HÌNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG TỚI LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, AN NINH

Phần này cần nêu những nội dung về tình hình quốc tế và trong nước với những khó khăn, thuận lợi đan xen tác động tới lĩnh vực quốc phòng, an ninh được Đại hội XII đề ra..

Phần II. TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC, GIỮ VỮNG MÔI TRƯỜNG HÒA BÌNH, ỔN ĐỊNH

1. Quan điểm của Đảng ta về bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định

Cần trình bày, làm rõ các quan điểm được Đại hội XII của Đảng đề ra:

- Cùng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

- Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ Tổ quốc.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tăng cường quốc phòng an ninh, bảo vệ Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định trong những năm tới

Cần nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để tăng cường quốc phòng, an ninh những năm tới theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Phần III. ĐẢM BẢO AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trong phần này cần phân tích, làm rõ được 05 ý sau:

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc

- Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch

- Ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội

- Sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống

- Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và an ninh mạng

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích quan điểm của Đảng ta về bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định hiện nay; liên hệ trách nhiệm của người đảng viên trong tình hình hiện nay?

2. Phân tích mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tăng cường quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định trong những năm tới; người đảng viên có trách nhiệm như thế nào trong quán triệt và tổ chức thực hiện?

3. Trình bày những nội dung cơ bản về bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới; người đảng viên phải làm gì để quán triệt và tổ chức thực hiện các nội dung đó?

Bài 7

CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Đây là bài được biên soạn và bổ sung mới hoàn toàn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Do vậy, các giảng viên cần chú ý một số nội dung sau:

Phần I. YÊU CẦU KHÁCH QUAN CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Trong phần này, cần phân tích, làm rõ được các yêu cầu khách quan của hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay, trong đó chú ý tới mấy vấn đề sau:

1. Cách mạng khoa học - công nghệ và những tác động đến đời sống kinh tế - xã hội

2. Toàn cầu hóa kinh tế quốc tế là một xu thế khách quan ngày càng có nhiều nước tham gia

3. Xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế là các nước có chế độ chính trị khác nhau vừa đấu tranh vừa hợp tác, cùng tồn tại trong hòa bình

4. Quá trình phát triển kinh tế thị trường và các khu vực mậu dịch tự do

Phần II. QUAN ĐIỂM CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA ĐẢNG TA

Trong phần này, cần trình bày, làm rõ các ý sau:

1. Quá trình hình thành chính sách hội nhập quốc tế của Đảng ta

2. Những quan điểm chỉ đạo trong quá trình hội nhập

Phần III. TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM QUA

1. Gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)

Cần trình bày, làm rõ được các ý sau:

- Ngày 28-7-1995 nước ta trở thành thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

- Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á đã thành cộng đồng Kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community- AEC), dựa trên ba trụ cột: kinh tế - xã hội, chính trị - an ninh và cộng đồng văn hóa.

2. Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực

Cần trình bày, làm rõ được các ý sau:

Một là, Việt Nam là thành viên sáng lập của Diễn đàn kinh tế Á - Âu (ASEM)

Hai là, gia nhập Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)

Ba là, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Bốn là, ký kết các thỏa thuận thành lập khu vực mậu dịch tự do.

3. Xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với nhiều nước trên thế giới

Cần trình bày, làm rõ được các ý sau:

- Khái niệm thế nào là đối tác chiến lược, đối tác toàn diện.

- Nước ta cơ bản hoàn thành việc xác lập vị trí trong chính sách đối ngoại của các nước lớn, láng giềng, tạo cơ sở quan trọng đưa quan hệ của Việt Nam với các đối tác phát triển ổn định, thiết thực và hiệu quả trong trung và dài hạn.

Phần IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Trong phần này, cần phân tích, làm rõ được các phương hướng, giải pháp được Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đề ra.

1. Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi

2. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu

3. Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

4. Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

5. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích tính tất yếu khách quan của hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay?
2. Phân tích quan điểm chỉ đạo hội nhập quốc tế của Đảng ta?
3. Về phương hướng, giải pháp đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong Đại hội XII của Đảng?

Bài 8

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở CƠ SỞ

Phần I. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG

1. Về tổ chức Đảng

Nêu những quy định trong Điều lệ Đảng về tổ chức cơ sở đảng. Trong đó, trình bày, làm rõ tổ chức Đảng ở Trung ương và tổ chức Đảng ở địa phương.

2. Những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của Đảng

Cần trình bày, làm rõ các nguyên tắc sau:

- a. Nguyên tắc tập trung dân chủ.
- b. Nguyên tắc tự phê bình và phê bình
- c. Nguyên tắc đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng
- d. Nguyên tắc gắn bó mật thiết với nhân dân
- đ. Nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật

II. QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU LỆ ĐẢNG VỀ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

1. Về vai trò của tổ chức cơ sở của Đảng

Cần trình bày, làm rõ các ý sau:

- Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng.

- Tổ chức cơ sở đảng là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Quy định về thành lập các tổ chức đảng ở cơ sở

Trình bày, làm rõ các quy định về thành lập các tổ chức đảng ở cơ sở theo Điều lệ Đảng.

3. Hình thức hoạt động của tổ chức cơ sở đảng

Trình bày, làm rõ các hình thức hoạt động của tổ chức cơ sở đảng.

4. Về nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng

Phân tích, làm rõ các nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng. Liên hệ với thực tế chi bộ ở địa phương, đơn vị.

5. Về chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở

Trình bày, một số quy định của Điều lệ Đảng đối với những đảng bộ cơ sở đông đảng viên có thể lập các chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở (khác với chi bộ cơ sở trực thuộc huyện ủy).

Phần III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở CƠ SỞ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẢNG VIÊN

1. Nội dung công tác xây dựng Đảng ở cơ sở

Trong mục này cần phân tích, làm rõ các vấn đề chủ yếu sau:

a. Nhiệm vụ chủ yếu của công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong giai đoạn hiện nay

b. Nội dung chính của công tác xây dựng Đảng ở cơ sở

Chú ý phân tích làm rõ việc vận dụng vào công tác xây dựng Đảng ở cơ sở, nhiệm vụ xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên có những nội dung chính sau:

Một là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Hai là, nâng cao chất lượng đảng viên.

2. Trách nhiệm của đảng viên đối với tổ chức cơ sở đảng và chi bộ

Trình bày, làm rõ việc nêu cao trách nhiệm xây dựng đảng bộ, chi bộ của đảng viên. Cụ thể:

a. Đảng viên phải đóng góp tích cực với đảng bộ, chi bộ trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở, đơn vị

b. Đảng viên phải góp phần tích cực vào việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng “trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”.

c. Đảng viên phải đóng góp tích cực xây dựng đảng bộ, chi bộ vững mạnh về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng?

2. Phân tích vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng?

2. Nêu những nội dung công tác xây dựng đảng ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay?

3. Phân tích nhiệm vụ của đảng viên trong công tác xây dựng đảng ở cơ sở?

Bài 9

XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC

Đây là bài được biên soạn và bổ sung mới hoàn toàn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Tại Đại hội XII, Đảng ta chủ trương “Tiếp tục thực hiện mục tiêu: xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. H.2016.tr.202). Chính vì vậy, nội dung xây dựng Đảng về đạo đức lần này được Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn thành một bài mới. Do vậy, các giảng viên cần chú ý một số nội dung sau:

Phần I. ĐẠO ĐỨC VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Những vấn đề chung về đạo đức

Trình bày, làm rõ mấy ý sau:

- Khái niệm của đạo đức.
- Cấu trúc của đạo đức.

2. Vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội

Trình bày vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội.

3. Chức năng của đạo đức trong đời sống xã hội

Phân tích, làm rõ các chức năng chủ yếu của đạo đức:

- a. Chức năng giáo dục
- b. Chức năng điều chỉnh
- c. Chức năng phản ánh

Phần II. NỘI DUNG XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Xây dựng Đảng về đạo đức, Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”

Cần trình bày, làm rõ mấy ý sau:

- Xây dựng Đảng về đạo đức là tư tưởng nhất quán.
- Xây dựng Đảng là đạo đức trước hết phải kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng, của cách mạng, xuất phát từ mục đích cao quý của Đảng để hy sinh, phấn đấu.

- Xây dựng Đảng về đạo đức phải tuân theo những nguyên tắc xây dựng và thực hành đạo đức, xây đi đôi với chống, nêu gương về đạo đức và phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

- Đứng trước bối cảnh và yêu cầu của thực tiễn cách mạng, nhất là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay, nhiệm vụ xây dựng Đảng về đạo đức càng trở nên quan trọng, trở thành một trong những vấn đề cấp bách của công tác xây dựng Đảng.

2. Nội dung xây dựng Đảng “là đạo đức, là văn minh”

Cần trình bày, làm rõ mấy ý sau:

Một là, “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt”.

Hai là, phải thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.

Ba là, quan tâm xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức, có tài để Đảng xứng đáng “là đạo đức, là văn minh”

Bốn là, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và dân.

Năm là, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn

Phần III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Trong phần này, cần phân tích, trình bày được các nhiệm vụ của yêu cầu xây dựng Đảng về đạo đức được Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đề ra.

1. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

2. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm”.

3. Xây dựng và thực hiện tốt các quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối công tác của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị

4. Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát của tổ chức đảng, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính

trị - xã hội và của nhân dân về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh?
2. Trình bày nội dung xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh?
3. Nêu những nhiệm vụ chủ yếu xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn hiện nay?

Bài 10

PHÂN ĐÁU, RÈN LUYỆN ĐỂ XỨNG ĐÁNG VỚI DANH HIỆU NGƯỜI ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phần I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Vị trí, vai trò của đảng viên

Trình bày, làm rõ những nội dung sau:

- a. Đảng viên là chiến sĩ cách mạng trong đội quân tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam
- b. Đội ngũ đảng viên là những người có trách nhiệm góp phần xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện mọi đường lối, chủ trương, chính sách đó
- c. Đảng viên dù ở cương vị nào cũng vừa là người lãnh đạo, vừa là người phục vụ quần chúng
- d. Đảng viên là người kiên định bảo vệ Đảng, bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng

2. Nhiệm vụ của đảng viên

Trình bày các nhiệm vụ của người đảng viên theo Điều 2, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện hành.

3. Những quy định về đảng viên dự bị

Trình bày, phân tích một số quy định cần biết đối với đảng viên dự bị.

Phần II. KHÔNG NGỪNG PHÂN ĐÁU VÀ RÈN LUYỆN ĐỂ XỨNG ĐÁNG VỚI DANH HIỆU ĐẢNG VIÊN (đây là phần trọng tâm của bài)

1. Thực hiện tốt tiêu chuẩn đảng viên được quy định trong Điều lệ Đảng

Cần phân tích nêu rõ tiêu chuẩn của người đảng viên trong tình hình mới.

Một là, về lập trường giai cấp, bản lĩnh chính trị.

Hai là, về nhận thức, kiến thức, năng lực toàn diện thực hiện công cuộc đổi mới đất nước.

Ba là, về phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách.

Bốn là, có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của Đảng trên cơ sở thực hiện đúng các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Năm là, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Sáu là, kết hợp chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

2. Không ngừng tự phấn đấu, rèn luyện để xứng đáng với danh hiệu đảng viên cộng sản

Nêu rõ các ý sau :

- Khái niệm “đảng viên” bao hàm hai mặt: cá nhân một con người mang danh hiệu đảng viên và một thành viên của Đảng (của một tổ chức đảng cụ thể và của toàn Đảng nói chung). Người đảng viên chỉ xứng đáng với danh hiệu cao quý của mình khi làm tròn bốn phận trên cả hai tư cách đó, nhờ sự phấn đấu của bản thân và sự giúp đỡ, tạo điều kiện của tổ chức đảng.

- Về mặt cá nhân.

- Về tư cách thành viên của tổ chức đảng.

- Về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích vị trí, vai trò của đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam?

2. Trách nhiệm gắn bó với quần chúng nhân dân, thực hiện công tác dân vận của đảng viên phải như thế nào?

3. Nội dung phấn đấu rèn luyện của đảng viên trong giai đoạn hiện nay?